

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28/8/2020.

“V/v tranh chấp HNGĐ –

Chia tài sản chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Lê Thành Tôn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLPT-HNGĐ ngày 24/7/2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình – Chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống không hạnh phúc nung sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong việc chi tiêu kinh tế gia đình, hai người ly thân từ tháng 10/2019. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh L.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Tấn M, sinh ngày 27/7/2019 hiện đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: có 13 chỉ vàng 24K, vợ chồng đã bán 01 chỉ khi sinh con, còn lại 12 chỉ chị H quản lý. Tháng 10/2019 vợ chồng ly thân nên chị H đã sử dụng hết số vàng trên vào việc nuôi con, nay anh L yêu cầu chia chị không đồng ý.

Nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Lê Tấn L trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian hai người kết hôn, có đăng ký kết hôn, có xảy ra mâu thuẫn như chị H trình bày. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Con chung: Đồng ý vợ chồng có con chung Lê Tấn M, sinh ngày 27/7/2019 hiện chị H đang nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: Thống nhất có 13 chỉ vàng 24K vợ chồng đã bán 01 chỉ, còn 12 chỉ chị H quản lý. Nay anh yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ là 06 chỉ vàng 24K.

Nợ chung: Không có.

* Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án huyện T quyết định:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu của chị H, chấp nhận 01 phần yêu cầu của anh L.

- Hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Lê Tấn L.

- Về con chung: Giao con chung Lê Tấn M, sinh ngày 27/7/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H, anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tấn M, sinh ngày 27/7/2019, mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định từ tháng 6/2020 đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Chị H được hưởng 06 chỉ vàng 24K, anh L được hưởng 06 chỉ vàng 24K; Buộc chị H giao cho anh L 06 chỉ vàng 24K.

- Nợ chung: Không có.

- Án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình 300.000đồng, án phí chia tài sản chung là 1.440.000đồng; tổng cộng 1.740.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0008297 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 1.440.000đồng.

Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng, án phí chia tài sản chung là 1.440.000đồng, tổng cộng 1.740.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 720.000đồng theo biên lai số 0001968 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh L còn phải nộp tiếp số tiền 1.020.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T có Quyết định số 16/KNPT-VKS-DS, ngày 25/6/2020 đề nghị xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát tỉnh vẫn giữ nguyên kháng nghị, đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T, sửa 01 phần án sơ thẩm về chia tài sản chung, yêu cầu trừ chi phí nuôi con cho chị H trong số vàng chung của vợ chồng, phần còn lại chia anh L, chị H mỗi người $\frac{1}{2}$.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý chia tài sản chung cho bị đơn không.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu chia số vàng 12 chỉ 24K là tài sản chung của vợ chồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát huyện T, sửa 01 phần án sơ thẩm về tài sản chung, sau khi trừ chi phí nuôi con số vàng chung vợ chồng còn lại sẽ chia chị H, anh L mỗi người $\frac{1}{2}$.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T có Quyết định kháng nghị số 16/KNPT-VKS-DS, ngày 25/6/2020 đề nghị sửa án sơ thẩm về phần tài sản chung, yêu cầu trừ chi phí nuôi con cho chị H trong số vàng chung của vợ chồng, phần còn lại chia anh L, chị H mỗi người $\frac{1}{2}$.

Xét thấy, chị H và anh L là vợ chồng và có 01 con chung tên Lê Tấn M, sinh năm 27/7/2019.

Tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh L thống nhất có 12 chỉ vàng 24K. Về nguyên tắc tài sản chung sẽ được chia đôi khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị H là người trực tiếp nuôi con chung Lê Tấn M, sinh ngày 27/7/2019. Việc chị H nuôi con mỗi ngày phải chi phí cho việc nuôi dưỡng 100.000đồng là có thật, việc này anh L cũng thừa nhận nhưng Tòa sơ thẩm cho rằng chị H không chứng minh được đã chi phí vào việc phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình và nuôi con nên không chấp nhận là không phù hợp. Xét thấy, trách nhiệm nuôi con chung là của cả vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân anh L không đóng góp gì để chị H nuôi con từ tháng 10/2019 đến khi Tòa án sơ thẩm xử tháng 6/2020 là 08 tháng ($100.000\text{đ}/\text{ngày} \times 30\text{ ngày} = 3.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 8\text{ tháng} = 24.000.000\text{đồng}$ tương đương 05 chỉ vàng 24K).

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L tự nguyện chi phí nuôi con chung trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị H sử dụng 05 chỉ vàng là phù hợp nên chấp nhận ý kiến này của anh L. Số vàng chung chị H giữ 12 chỉ – 05 chỉ nuôi con, số còn lại 07 chỉ chia anh L, chị H mỗi người 3,5 chỉ vàng 24K là phù hợp. Từ đó, kháng nghị của Viện kiểm sát huyện T là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị sửa 01 phần án sơ thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát huyện T, xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Do sửa án sơ thẩm về chia tài sản chung nên án phí được tính như sau: $\text{Tính giá vàng } 4.800.000\text{đ}/\text{chỉ} \times 3,5\text{ chỉ} = 16.800.000\text{đ} \times 5\% = 840.000\text{đồng}$ là án phí anh L, chị H mỗi người phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T.

Sửa 01 phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án huyện T.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ H;

Chấp nhận 01 phần yêu cầu của anh Lê Tấn L.

- Hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh

Lê Tấn L.

- Về con chung: Giao con chung Lê Tấn M, sinh ngày 27/7/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tấn M, sinh ngày 27/7/2019 hằng tháng, mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh L.

+ Chị H được sở hữu 3,5 chỉ vàng 24K (vàng chị H đang quản lý);

+ Anh L được sở hữu 3,5 chỉ vàng 24K;

+ Buộc chị H giao cho anh L 3,5 chỉ vàng 24K (vàng 9T8).

- Nợ chung: Không có.

- Án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình 300.000đồng, án phí chia tài sản chung 840.000đồng; tổng cộng 1.140.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0008297 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 840.000đồng.

Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng và án phí chia tài sản chung là 840.000đ; tổng cộng 1.140.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 720.000đồng theo biên lai số 0001968 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh L còn phải nộp tiếp số tiền 420.000đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND h. T;
- Chi cục THADS h. T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HsVA, Tòa HNGĐ (*vh*).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh

